

Bản án số: 04/2019/HS-ST

Ngày: 01/3/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Thanh Phú.**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Võ Hồng Vinh.**

Bà **Nguyễn Thị Mỹ Hoa.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lương Huỳnh Phúc Tài** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông **Thạch Văn Ổn** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26 tháng 02 và ngày 01 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 01/2019/TLST-HS ngày 16 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2019/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 02 năm 2019 đối với các **bị cáo:**

1. **Phan Hữu K (X)**, sinh năm 1991, tại Tiền Giang; Nơi cư trú: ấp T1, xã T2, huyện G1, tỉnh Tiền Giang; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phan Hữu T và bà: Trịnh Thị Giao C; Sống như vợ chồng với chị Lê Thị N và có 01 con; Tiền án: không;

Tiền sự: ngày 17/4/2018, bị Ủy ban nhân dân xã Thạnh Trị, huyện Gò Công Tây lập hồ sơ quản lý, giáo dục tại xã, phường, thị trấn thời hạn 03 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy;

Nhân thân: đã 04 lần bị kết án

- Ngày 04/7/2008, bị Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang xử phạt 01 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 03 năm về tội “Phá hủy công trình, phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia”;

- Ngày 16/9/2008, bị Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang xử phạt 06 tháng tù (chấp hành song song với bản án trên) về tội “Trộm cắp tài sản”;

- Ngày 15/01/2009, bị Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”;
- Ngày 11/9/2013, bị Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”;
- Bị bắt, tạm giam từ ngày 09/10/2018, “có mặt”.

2. **Nguyễn Khánh H (M)**, sinh ngày 09/07/2000, tại Tiền Giang; Nơi cư trú: ấp N, xã P, huyện G2, tỉnh Tiền Giang; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Thế T và bà: Hồ Thị K; Vợ, con: chưa có; Tiền án: không;

Tiền sự: 02 lần

- Ngày 23/3/2018, bị Công an xã Thạnh Trị, huyện Gò Công Tây xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy (đã đóng phạt ngày 29/03/2018);

- Ngày 29/3/2018, bị Công an xã Thạnh Trị, huyện Gò Công Tây xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy (đã đóng phạt ngày 29/03/2018);

Bị bắt, tạm giam từ ngày 09/10/2018, có mặt.

3. **Dương Bình Đ**, sinh ngày 10/8/1982, tại Tiền Giang; Nơi cư trú: ấp X, xã B, huyện G1, tỉnh Tiền Giang; Nghề nghiệp: làm ruộng; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Dương Vinh T và bà: Cao Thị L; Vợ, con: chưa có; Tiền án: không; Tiền sự: không; Bị cáo tại ngoại có mặt.

*** Người bị hại:**

1. Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1984 (vắng mặt)
Nơi cư trú: ấp B1, xã B2, huyện G1, tỉnh Tiền Giang.
2. Hồ Công L, sinh năm 1963 (vắng mặt)
Nơi cư trú: ấp T1, xã T2, huyện G1, tỉnh Tiền Giang.
3. Nguyễn Thị H, sinh năm 1961 (vắng mặt)
Nơi cư trú: Khu phố *, thị trấn V, huyện G1, tỉnh Tiền Giang.
4. Phạm Văn H, sinh năm 1974 (vắng mặt)
Nơi cư trú: ấp H, xã L, huyện G1, tỉnh Tiền Giang.
5. Huỳnh Văn N, sinh năm 1954 (vắng mặt)
Nơi cư trú: ấp T1, xã T2, huyện G1, tỉnh Tiền Giang.
6. Lê Minh H, sinh năm 1982 (vắng mặt)
Nơi cư trú: ấp L, xã Y, huyện G1, tỉnh Tiền Giang.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1976 (vắng mặt)
Nơi cư trú: đường H, phường B3, quận B4, thành phố Hồ Chí Minh.
2. Nguyễn Minh T, sinh năm 1979 (vắng mặt)
Nơi cư trú: ấp K, xã L, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

*** Người làm chứng:**

Phan Hữu T, sinh năm 1968 (có mặt)
Nơi cư trú: ấp T1, xã T2, huyện G1, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền tiêu xài nên bị cáo Nguyễn Khánh H rủ bị cáo Phan Hữu K đi trộm cắp tài sản bán lấy tiền chia nhau tiêu xài. Khoảng 02 giờ ngày 14/9/2018, bị cáo K điều khiển xe mô tô hai bánh biển số 59K1- 444.29 (xe của bị cáo K mua nhưng chưa sang tên) chở bị cáo H chạy trên tuyến quốc lộ 50, quan sát thấy nhà anh Nguyễn Ngọc T không có cổng rào. Các bị cáo H, K vào trộm 01 cây mai chiếu thủy được trồng trong chậu và nhổ 01 cây Linh sam đem cất giấu bên lề đường huyện lộ 12B thuộc khu phố 3, thị trấn Vĩnh Bình. Bị cáo K tiếp tục điều khiển xe chở bị cáo H chạy trên tuyến đường huyện lộ 12B nhìn thấy nhà của ông Hồ Công L có cây kiềng, bị cáo H đứng ngoài cảnh giới cho bị cáo K leo rào vào nhổ 01 cây mai vàng và 02 cây mai chiếu thủy. Sau đó, các bị cáo đem cây kiềng trộm được của ông L về cất giấu ở bên ngoài hàng rào nhà của bị cáo K rồi quay lại lấy 02 cây kiềng của anh T đem về cất giấu ở gò đất phía sau nhà bị cáo K.

Vật chứng thu giữ:

- 01 cái chậu có trồng 01 cây mai chiếu thủy và 01 cây Linh sam. Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh T.

- 02 cây mai chiếu thủy và 01 cây mai vàng. Cơ quan điều tra Công an huyện Gò Công Tây đã trả lại cho ông L.

Kết luận định giá tài sản số 449b ngày 21/9/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện Gò Công Tây định giá tổng giá trị tài sản trên tại thời điểm chiếm đoạt là 8.750.000 đồng (giá trị 01 cây mai chiếu thủy, 01 chậu kiềng và 01 cây Linh sam của anh T là 2.750.000 đồng; giá trị 01 cây mai vàng và 02 cây mai chiếu thủy của ông L là 6.000.000 đồng).

Ngoài ra, quá trình điều tra các bị cáo K, H còn khai nhận trong khoảng thời gian từ tháng 9 đến tháng 10 năm 2018, các bị cáo còn cùng nhau thực hiện 04 vụ trộm cắp cây kiềng khác, cụ thể:

Vụ thứ 1: Khoảng 04 giờ ngày 05/9/2018, trên đường đi chơi về bằng xe mô tô hai bánh biển số 59K1- 444.29 thì bị cáo K rủ bị cáo H trộm cây kiềng. Bị cáo K cảnh giới cho bị cáo H lấy trộm 02 cây mai chiếu thủy được trồng trong 02 cái chậu của bà Nguyễn Thị H để ở bên ngoài cổng rào, đem cất giấu ở mé sông trước nhà ông Trần Thanh L (ông ngoại của bị cáo K) thuộc khu phố 4, thị trấn Vĩnh Bình. Khoảng 17 giờ cùng ngày, các bị cáo K, H chở 02 chậu cây kiềng trộm được đến bán cho bị cáo Dương Bình Đ với giá là 300.000 đồng. Bị cáo K lấy tiền mặt 100.000 đồng, còn lại 200.000 đồng mua ma túy đá của bị cáo Đ đem về sử dụng cùng với bị cáo H.

Vật chứng thu giữ: 02 cái chậu kiềng có trồng 02 cây mai chiếu thủy. Cơ quan điều tra đã trả lại cho bà H.

Kết luận định giá tài sản số 517b ngày 30/10/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện Gò Công Tây định giá tổng giá trị tài sản trên tại thời điểm chiếm đoạt là 1.400.000 đồng.

Vụ thứ 2: Khoảng 23 giờ ngày 09/9/2018, bị cáo K điều khiển xe mô tô hai bánh biển số 59K1- 444.29 chở bị cáo H trên đường đi chơi về. Khi đang lưu thông trên đường liên xã Long Vĩnh - Long Bình thì bị cáo H thấy nhà anh Phạm Văn H không có hàng rào, trong sân có cây kiểng nên bị cáo H rủ bị cáo K vào lấy trộm. Các bị cáo khiêng 02 cây mai chiếu thủy được trồng trong chậu để lên xe (làm rớt bể 01 chậu) chở đi cất giấu ở ven đường. Sau đó, bị cáo K đến nhà bà Trần Thị X ngụ ấp Thạnh Bình, xã Thạnh Trị mượn chiếc xe lô kéo bằng tay (bà X không biết bị cáo K mượn xe để làm phương tiện phạm tội) đến kéo cây kiểng đến bán cho bị cáo Đ được 500.000 đồng. Bị cáo K lấy tiền mặt là 200.000 đồng, còn lại 300.000 đồng mua ma túy đá của bị cáo Đ đem về sử dụng cùng với bị cáo H.

Vật chứng thu giữ:

- 01 cái chậu kiểng có trồng 01 cây mai chiếu thủy và 01 cây mai chiếu thủy. Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh H.

- 01 Chiếc xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Yamaha biển số 59K1-444.29, số máy 1DB1115587, số khung RLCN1DB10CY115586 cùng Giấy chứng nhận đăng ký của xe mô tô hai bánh biển số 59K1-444.29 mang tên Nguyễn Thị Thu T.

Kết luận định giá tài sản số 517b ngày 30/10/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện Gò Công Tây định giá tổng giá trị tài sản trên tại thời điểm chiếm đoạt là 5.300.000 đồng.

Vụ thứ 3: Khoảng 02 đến 03 giờ ngày 19/9/2018, bị cáo K điều khiển xe mô tô hai bánh biển số 63S7-1931 (xe của bị cáo K mua của bị cáo Đ không có giấy tờ) và rủ bị cáo H đến nhà ông Huỳnh Văn N trộm cây kiểng. Bị cáo H đứng ngoài canh giới, bị cáo K leo qua hàng rào nhỏ trộm 02 cây mai vàng và 01 cây mai chiếu thủy đem đến bán cho bị cáo Đ được 1.500.000 đồng. Bị cáo Đ trừ 1.000.000 đồng do bị cáo K mua xe 63S7-1931 còn nợ. Bị cáo K lấy tiền mặt 200.000 đồng, còn lại 300.000 đồng mua ma túy đá của bị cáo Đ đem về sử dụng cùng với bị cáo H.

Vật chứng thu giữ:

- 02 cây mai vàng và 01 cây mai chiếu thủy. Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông N.

- 01 Chiếc xe mô tô hai bánh biển số 63S7-1931, số máy MAR152FMH003208; số khung TVCH1CX41005364.

Kết luận định giá tài sản số 517b ngày 30/10/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện Gò Công Tây định giá tổng giá trị tài sản tại thời điểm chiếm đoạt là 1.700.000 đồng.

Vụ thứ 4: Khoảng 03 giờ ngày 04/10/2018, bị cáo K điều khiển xe mô tô hai bánh hiệu Sirius, không rõ biển số, mượn của anh Nguyễn Huỳnh P ngụ ấp Thạnh Yên, xã Thạnh Trị (anh P không biết bị cáo K mượn xe làm phương tiện phạm tội) chở bị cáo H trên đường đi chơi về thì bị cáo H rủ bị cáo K đến nhà anh Lê Minh H trộm cây kiểng. Bị cáo K dùng kiềm cắt sắt mượn của anh Trần Quang C ngụ ấp Thạnh Hòa Tây, xã Thạnh Trị (anh C không biết bị cáo K sử dụng kiềm làm công cụ phạm tội) cắt lưới rào B40 vào nhỏ trộm 01 cây mai vàng chở đến bán cho bị cáo Đ được

500.000 đồng. Bị cáo H sử dụng hết để mua ma túy đá của bị cáo Đ đem về sử dụng một mình.

Vật chứng thu giữ: 01 cây mai vàng. Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh H.

Kết luận định giá tài sản số 517b ngày 30/10/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện Gò Công Tây định giá tổng giá trị tài sản trên tại thời điểm chiếm đoạt là 4.000.000 đồng.

Trong quá trình điều tra, bị cáo Đ thừa nhận có mua cây kiểng như các bị cáo K, H khai nhận và khi mua thì bị cáo Đ biết rõ tài sản do trộm cắp có được. Tuy nhiên, bị cáo Đ không thừa nhận đã có hành vi bán ma túy như các bị cáo K, H trình bày.

Bản cáo trạng số 03/CT-VKSGCT ngày 16/01/2019 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây truy tố các bị cáo Phan Hữu K, Nguyễn Khánh H về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; truy tố bị cáo Dương Bình Đ về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Phan Hữu K, Nguyễn Khánh H phạm tội “Trộm cắp tài sản”; tuyên bố bị cáo Dương Bình Đ về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo Quyết định truy tố đối với các bị cáo tại bản cáo trạng. Đồng thời phân tích các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và đề nghị hình phạt đối với từng bị cáo:

- Về trách nhiệm hình sự:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự. Riêng các bị cáo Phan Hữu K căn cứ thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phan Hữu K từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù, xử phạt bị cáo Nguyễn Khánh H từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, thời gian chấp hành án tính từ ngày tạm giam.

Căn cứ khoản 1 Điều 323; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 35 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Dương Bình Đ từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

- Về trách nhiệm dân sự: ghi nhận các bị cáo đã bồi thường xong cho bị hại.

- Về xử lý vật chứng:

Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 xe mô tô hai bánh biển số 59K1-444.29 và 01 xe mô tô hai bánh biển số 63S7-1931.

Tịch thu tiêu hủy 01 giấy chứng nhận đăng ký của xe mô tô hai bánh biển số 59K1-444.29 mang tên Nguyễn Thị Thu T.

Buộc các bị cáo Phan Hữu K và Nguyễn Khánh H có nghĩa vụ liên đới nộp số tiền thu lợi bất chính 2.300.000 đồng sung công quỹ Nhà nước.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo rất hối hận với lỗi lầm của mình, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để sớm về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Gò Công Tây, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với cáo trạng, vật chứng, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Theo đó, các bị cáo Phan Hữu K, Nguyễn Khánh H đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản là nhiều cây kiềng của nhiều hộ dân trên địa bàn huyện Gò Công Tây với tổng giá trị là 21.150.000 đồng; bị cáo Dương Bình Đ biết rõ các cây kiềng do trộm cắp có được nhưng vì tư lợi cá nhân vẫn mua với tổng giá trị là 12.400.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử kết luận các bị cáo Phan Hữu K, Nguyễn Khánh H đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; bị cáo Dương Bình Đ đã phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

[3] Nhận thấy các bị cáo có tuổi đời còn trẻ, có sức lao động, là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật. Nhưng chỉ vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân, các bị cáo K, H đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác; bị cáo Đ đã mua tài sản do trộm cắp có được. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của người bị hại được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình trật tự trị an tại địa phương, gây bức xúc trong nhân dân.

Hội đồng xét xử xét thấy, trong vụ án này tuy có đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có sự phân công cụ thể, rõ ràng trong việc thực hiện tội phạm. Để cụ thể hóa hình phạt, cần xác định vai trò, tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội đối với xã hội mà mỗi bị cáo gây ra. Trong vụ án này, bị cáo Phan Hữu K là người trực tiếp chiếm đoạt tài sản nhiều lần hơn bị cáo Đ; công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội thuộc sở hữu của bị cáo K hoặc do bị cáo K quản lý; bị cáo K cũng là người trực tiếp liên hệ bán tài sản sau khi trộm được nên phải chịu trách nhiệm chính trong vụ án. Bên cạnh đó, bị cáo K mặc dù tại thời điểm xét xử không có án tích, tuy nhiên bị cáo là người có nhân thân xấu, đã 04 lần bị kết án; bị cáo có 01 tiền sự về về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Bị cáo Nguyễn Khánh H có 02 tiền sự về về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Các bị cáo K, H 03 lần chiếm đoạt tài sản có giá trị 2.000.000 đồng trở lên; bị cáo Đ có 02 lần mua tài sản trộm cắp có giá trị 2.000.000 đồng trở lên nên các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Do đó, hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải bị xử phạt nghiêm khắc; đối với các bị cáo K, H cần thiết cách ly ra khỏi xã hội một thời gian

và bị cáo K phải có mức án cao hơn, có như vậy mới đủ tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành những công dân có ích cho xã hội và răn đe phòng ngừa chung.

Song Hội đồng xét xử cũng thấy rằng, sau khi phạm tội các bị cáo K, H đã tích cực tác động gia đình tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại cho người bị hại, bị cáo Đ đã trả lại tài sản trộm cắp đã mua; quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Do đó, cần cho các bị cáo hưởng các các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo K còn có ông nội là Phan Hữu C được tặng thưởng huy chương kháng chiến hạng nhất, bị cáo Đ là bị hại trong vụ án có ý gây thương tích với tỷ lệ tổn hại sức khỏe là 50% nên cần xem xét cho các bị cáo K, Đ hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Về trách nhiệm dân sự, các bị hại anh Nguyễn Ngọc T, ông Hồ Công L, bà Nguyễn Thị H, anh Phạm Văn H, ông Huỳnh Văn N và anh Lê Minh H đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không yêu cầu gì khác nên không xem xét.

[5] Về xử lý vật chứng, các xe mô tô hai bánh biển số 59K1-444.29 và xe mô tô hai bánh biển số 63S7-1931 là phương tiện các bị cáo K và H vận chuyển tài sản trộm cắp nên cần tịch thu sung công quỹ nhà nước .

Chị Nguyễn Thị Thu T khai là xe mô tô 59K1-444.29 chị đã bán nên cần tịch thu giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô nêu trên tiêu hủy.

Số tiền 2.800.000 đồng các bị cáo K, H có được từ việc bán cây kiểng trộm cắp cho bị cáo Đ. Các bị cáo đã bồi thường cho ông Huỳnh Văn N 500.000 đồng, còn lại 2.300.000 đồng là tiền thu lợi bất chính nên cần buộc các bị cáo K, H phải có nghĩa vụ liên đới nộp sung công quỹ Nhà nước.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Xét đề nghị của Viện kiểm sát có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Phan Hữu K, Nguyễn Khánh H phạm tội “Trộm cắp tài sản”; Bị cáo Dương Bình Đ phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Phan Hữu K** 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 09/10/2018.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; các điểm b, s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Khánh H 01** (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 09/10/2018.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 323; điểm g khoản 1 Điều 52; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 35 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Dương Bình Đ** số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng).

2. Về vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Yamaha biển số 59K1-444.29, số máy 1DB1115587, số khung RLCN1DB10CY115586 và 01 xe mô tô hai bánh biển số 63S7-1931, số máy MAR152FMH003208; số khung TVCH1CX41005364.

- Tịch thu tiêu hủy 01 giấy chứng nhận đăng ký của xe mô tô hai bánh biển số 59K1-444.29 mang tên Nguyễn Thị Thu T.

- Buộc các bị cáo Phan Hữu K và Nguyễn Khánh H có nghĩa vụ liên đới nộp số tiền 2.300.000 đồng sung công quỹ Nhà nước.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc các bị cáo Phan Hữu K, Nguyễn Khánh H và Dương Bình Đ mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Đối với bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày được tính kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh TG;
- VKSND huyện GCT;
- Cơ quan điều tra Công an huyện GCT;
- Nhà tạm giữ Công an huyện GCT;
- Chi cục THADS huyện GCT;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thanh Phú

